

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-31

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Hồng Sơn	Chủ tịch	
Ông Vũ Hữu Tuyền	Ủy viên	
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên	Đơn từ nhiệm từ ngày 01/03/2022
Ông Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hùng	Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/03/2022
Ông Nguyễn Anh Toàn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2022
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Đoàn Kim Anh	Thành viên
Ông Đoàn Duy Thái	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Giác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc  


**Phạm Mạnh Hùng**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 25 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

**Trương Thị Mai**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4931-2019-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>54.808.018.979</b>	<b>63.481.748.505</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>29.528.923.057</b>	<b>38.893.542.230</b>
111	1. Tiền		29.528.923.057	38.893.542.230
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>22.600.000.000</b>	<b>22.600.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.600.000.000	22.600.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.222.665.086</b>	<b>1.370.099.060</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	555.977.004	873.873.400
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	69.460.000	150.660.125
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	597.228.082	345.565.535
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.456.430.836</b>	<b>618.107.215</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	545.256.453	377.554.494
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	911.174.383	240.552.721
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>55.937.561.019</b>	<b>66.066.643.325</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>55.105.526.353</b>	<b>65.234.608.659</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	54.551.598.859	64.558.610.609
222	- Nguyên giá		179.145.525.045	177.729.818.227
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(124.593.926.186)	(113.171.207.618)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	553.927.494	675.998.050
228	- Nguyên giá		3.104.613.682	2.917.853.682
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.550.686.188)	(2.241.855.632)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	8	<b>832.034.666</b>	<b>832.034.666</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		832.034.666	832.034.666
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>110.745.579.998</b>	<b>129.548.391.830</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.900.022.099</b>	<b>14.529.337.327</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.900.022.099</b>	<b>14.529.337.327</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.394.995.298	5.165.617.317
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	182.152.200	7.925.200
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	82.896.863	314.675.087
314	4. Phải trả người lao động		992.765.060	7.021.709.011
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	457.210.002	462.470.914
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	489.291.244	488.093.744
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.300.711.432	1.068.846.054
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>105.845.557.899</b>	<b>115.019.054.503</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>105.845.557.899</b>	<b>115.019.054.503</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.380.000.000	6.380.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.449.928.525	13.623.425.129
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.325.662.629	2.746.706.010
421b	LNST chưa phân phối năm nay		124.265.896	10.876.719.119
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>110.745.579.998</b>	<b>129.548.391.830</b>

*Loan*

*Thạch Thị Kim Nga*



*Phạm Mạnh Hùng*

Vũ Thị Loan  
Người lập

Thạch Thị Kim Nga  
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2021

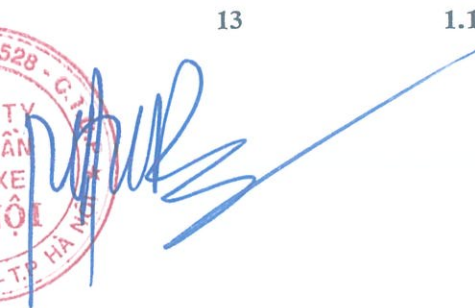
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	61.021.201.849	122.816.216.977
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.021.201.849	122.816.216.977
11	4. Giá vốn hàng bán	20	54.688.449.445	100.432.879.810
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.332.752.404	22.383.337.167
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.110.417.833	1.585.233.631
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	4.755.145.165	8.085.087.574
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.688.025.072	15.883.483.224
31	11. Thu nhập khác	23	128.626	4.033.338
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		128.626	4.033.338
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.688.153.698	15.887.516.562
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Công ty		2.444.800.000	3.056.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Công ty		243.353.698	12.831.516.562
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	119.087.802	1.954.797.443
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		124.265.896	10.876.719.119
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	13	1.145



Vũ Thị Loan  
Người lập



Thạch Thị Kim Nga  
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.688.153.698	15.887.516.562
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.731.549.124	11.875.915.698
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.110.417.833)	(1.585.233.631)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.309.284.989	26.178.198.629
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(208.017.699)	1.654.951.565
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(12.371.334.562)	(3.139.314.502)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(167.701.959)	181.187.843
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(490.325.835)	(3.038.968.180)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.365.897.122)	(2.323.577.051)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.293.992.188)	19.512.478.304
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.602.466.818)	(7.024.245.665)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.130.417.833	1.660.233.631
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(472.048.985)	(5.364.012.034)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.598.578.000)	(7.684.844.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.598.578.000)	(7.684.844.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(9.364.619.173)	6.463.621.770
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		38.893.542.230	32.429.920.460
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	29.528.923.057	38.893.542.230



Vũ Thị Loan  
Người lập





Thạch Thị Kim Nga  
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2021*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 390 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 393 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2021, Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế và hầu hết các doanh nghiệp, ngành nghề đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động thương mại, vận tải và dịch vụ. Trong các tháng thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 16/CT-TTg bao gồm nội dung liên quan đến dừng hoạt động vận chuyển hành khách công cộng, điều này dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty năm nay giảm mạnh so với năm trước.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
- Bến xe phía Bắc - Bến xe Gia Lâm	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe
- Bến xe phía Tây - Bến xe Mỹ Đình	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe
- Bến xe phía Nam - Bến xe Giáp Bát	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**2.5 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.7 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

**2.9 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về việc hợp tác cho thuê bãi đỗ xe Mỹ Đình (khu mở rộng). Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành. Thời hạn hợp đồng được gia hạn đến 31/12/2024.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm.
- Chi phí sửa chữa và lăn sơn tại các bến xe được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 01 năm.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.14 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về việc phân phối lợi nhuận và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

**2.16 . Doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.17 . Giá vốn dịch vụ cung cấp**

Giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo Nghị quyết số 406/NQ - UBTVQH15 ngày 19/10/2021 về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid - 19 và Nghị định số 92/2021/NĐ - CP ngày 27/10/2021 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ - UBTVQH15 thì Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2021.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trường hợp Công ty huy động xe của các đơn vị không phải là doanh nghiệp vận tải kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ để phục vụ cho việc hỗ trợ, giải quyết nhu cầu vận tải hành khách lúc cao điểm trong các dịp lễ, Tết... thì Công ty nộp thuế TNDN thay cho các đối tượng đó như trường hợp cơ sở kinh doanh và đơn vị sự nghiệp xác định được đúng doanh thu nhưng không có đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào để xác định được chi phí với mức thuế suất thuế TNDN là 2% trên doanh thu cung cấp dịch vụ.

**2.19 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.20 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**2.21 . Thông tin bộ phận**

Trong năm, toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	91.238.000	110.397.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.271.289.379	38.208.033.150
Tiền đang chuyển	166.395.678	575.112.080
	<u><u>29.528.923.057</u></u>	<u><u>38.893.542.230</u></u>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	<u><u>22.600.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>22.600.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

Tại ngày 31/12/2021, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 22.600.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất 4,75%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	48.081.000	-	94.872.000	-
- Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu - Chi nhánh Tổng công ty Vận tải Hà Nội	62.094.000	-	167.857.000	-
- Công ty CP xe khách Bắc Giang	43.372.000	-	211.592.000	-
- Công ty Cổ Phần Quảng Cáo - Truyền Thông Mặt Trời	-	-	90.000.000	-
- Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	34.596.000	-	145.719.000	-
- Trung tâm Tân Đạt - Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải	60.715.500	-	-	-
- Công ty TNHH Bắc Hà	51.069.600	-	-	-
- Đối tượng khác	256.048.904	-	163.833.400	-
	<b>555.977.004</b>	<b>-</b>	<b>873.873.400</b>	<b>-</b>
<b>b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b>314.535.500</b>	<b>-</b>	<b>481.996.200</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Công nghệ Futech	-	-	112.160.125	-
- Công ty CP Xây dựng và Công nghệ Môi trường Quang Minh	30.960.000	-	-	-
- Đối tượng khác	38.500.000	-	38.500.000	-
	<b>69.460.000</b>	<b>-</b>	<b>150.660.125</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	300.000.000	-	320.000.000	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	15.694.480	-	13.958.891	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	9.455.072	-	2.016.066	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	48.119.135	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	12.790.050	-	-	-
Tạm ứng	203.000.000	-	-	-
Phải thu khác	8.169.345	-	9.590.578	-
	<b>597.228.082</b>	<b>-</b>	<b>345.565.535</b>	<b>-</b>

**8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án bãi đỗ xe tải Phía Nam <sup>(1)</sup>	635.956.364	635.956.364
- Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình <sup>(2)</sup>	196.078.302	196.078.302
	<b>832.034.666</b>	<b>832.034.666</b>

(1): Dự án xây dựng bãi đỗ xe trong phân khu S5 huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Đến thời điểm 31/12/2021, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế bãi đỗ xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2756/UBND-DT ngày 19/06/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc yêu cầu Công ty tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai giai đoạn 1, chấm dứt nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2 của dự án và lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 14/03/2019, Công ty đã gửi công văn số 132/CPBX cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội báo cáo về thông tin, tình hình triển khai và tiến độ thực hiện dự án để xin ý kiến chỉ đạo về dự án này. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được ý kiến chỉ đạo của các cơ quan chức năng liên quan đến dự án này.

(2): Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Đến thời điểm 31/12/2021, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2209/QHKT-TMB-PAKT-P1 ngày 19/04/2018 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc của dự án và đang lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai dự án.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>									
Số dư đầu năm	157.915.034.647	2.070.671.274	6.385.806.609	11.358.305.697	177.729.818.227				
- Mua trong năm	-	172.240.000	-	337.602.273	509.842.273				
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	905.864.545	-	-	-	905.864.545				
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>158.820.899.192</b>	<b>2.242.911.274</b>	<b>6.385.806.609</b>	<b>11.695.907.970</b>	<b>179.145.525.045</b>				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Số dư đầu năm	99.476.378.615	1.643.600.796	4.116.318.469	7.934.909.738	113.171.207.618				
- Khấu hao trong năm	8.981.307.038	178.674.599	691.716.504	1.571.020.427	11.422.718.568				
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>108.457.685.653</b>	<b>1.822.275.395</b>	<b>4.808.034.973</b>	<b>9.505.930.165</b>	<b>124.593.926.186</b>				
<b>Giá trị còn lại</b>									
Tại ngày đầu năm	58.438.656.032	427.070.478	2.269.488.140	3.423.395.959	64.558.610.609				
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>50.363.213.539</b>	<b>420.635.879</b>	<b>1.577.771.636</b>	<b>2.189.977.805</b>	<b>54.551.598.859</b>				

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.467.564.230 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính</b>
	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	2.917.853.682
- Mua trong năm	186.760.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.104.613.682</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	2.241.855.632
- Khấu hao trong năm	308.830.556
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.550.686.188</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	675.998.050
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>553.927.494</b>
<i>Trong đó:</i>	
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	2.272.988.682 đồng.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	114.971.451	377.554.494
Chi phí lần sơn Bến xe Mỹ Đình	269.410.456	-
Chi phí sửa chữa chống dột kiot A3 và trần phòng họp Bến xe Giáp Bát	160.874.546	-
	<u>545.256.453</u>	<u>377.554.494</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG	178.585.000	178.585.000	857.956.000	857.956.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Kinh doanh Vật tư Thiết bị	-	-	612.033.000	612.033.000
Công ty TNHH SX và TM thiết bị điện Việt Nhật	-	-	599.374.160	599.374.160
Công ty TNHH xây dựng VINLIFE số 1	-	-	503.710.000	503.710.000
Công ty Cổ phần Phần mềm Quản trị Doanh	308.864.800	308.864.800	50.877.000	50.877.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ Quản lý Bất động sản	195.530.323	195.530.323	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn - Đầu tư Xây dựng Chiếu sáng và Cơ điện	144.150.600	144.150.600	92.207.500	92.207.500
Phải trả các đối tượng khác	567.864.575	567.864.575	2.449.459.657	2.449.459.657
	<b>1.394.995.298</b>	<b>1.394.995.298</b>	<b>5.165.617.317</b>	<b>5.165.617.317</b>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nguyễn Thế Hạnh	43.636.000	-
Công ty TNHH Vận tải Bus Hải Phòng	38.990.000	-
Hợp tác xã Dịch vụ Vận tải Thương mại Tiến Phương	23.394.000	-
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH vận tải Hà Sơn Hải Vân	18.892.000	-
Đối tượng khác	57.240.200	7.925.200
	<b>182.152.200</b>	<b>7.925.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI****Báo cáo tài chính**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		265.197.616		428.967.244		611.267.997		-			82.896.863
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		35.564.408		119.591.438		490.325.835		335.169.989			-
Thuế Thu nhập cá nhân	-		13.913.063		137.036.971		162.106.894		11.156.860			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	240.552.721		-		1.637.100.411		1.961.395.224		564.847.534			-
Các loại thuế khác	-		-		6.000.000		6.000.000		-			-
	<b>240.552.721</b>		<b>314.675.087</b>		<b>2.328.696.064</b>		<b>3.231.095.950</b>		<b>911.174.383</b>			<b>82.896.863</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	457.210.002	461.818.187
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	652.727
	<b>457.210.002</b>	<b>462.470.914</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	96.500	173.176.600
- Bảo hiểm xã hội	50.075.100	6.184.500
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	114.000.000	89.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	317.911.520	216.489.520
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.208.124	3.243.124
	<b>489.291.244</b>	<b>488.093.744</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	15.629.374	15.629.374	6.380.000.000	12.696.459.388	114.092.088.762				
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	10.876.719.119	10.876.719.119				
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(9.949.753.378)	(9.949.753.378)				
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>15.629.374</b>	<b>15.629.374</b>	<b>6.380.000.000</b>	<b>13.623.425.129</b>	<b>115.019.054.503</b>				
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	15.629.374	15.629.374	6.380.000.000	13.623.425.129	115.019.054.503				
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	124.265.896	124.265.896				
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(9.297.762.500)	(9.297.762.500)				
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>15.629.374</b>	<b>15.629.374</b>	<b>6.380.000.000</b>	<b>4.449.928.525</b>	<b>105.845.557.899</b>				

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 124 NQ/ĐHĐCĐ ngày 27/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%	VND	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	10.876.719.119		
Trích thưởng cho HĐQT, BKS	0,90%	97.762.500		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32,18%	3.500.000.000		
Chi trả cổ tức (bằng 6,00% vốn điều lệ)	52,41%	5.700.000.000		
Lợi nhuận chưa phân phối	14,52%	1.578.956.619		





**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,06%	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	16,36%	15.538.440.000	16,36%	15.538.440.000
Các cổ đông khác	16,59%	15.757.560.000	16,59%	15.757.560.000
	<b>100%</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>95.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>95.000.000.000</i>	<i>95.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>95.000.000.000</i>	<i>95.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>216.489.520</i>	<i>301.334.020</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>5.700.000.000</i>	<i>7.600.000.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>5.700.000.000</i>	<i>7.600.000.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(5.598.578.000)</i>	<i>(7.684.844.500)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(5.598.578.000)</i>	<i>(7.684.844.500)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>317.911.520</i>	<i>216.489.520</i>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.500.000</i>	<i>9.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.500.000</i>	<i>9.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.380.000.000	6.380.000.000
	<b>6.380.000.000</b>	<b>6.380.000.000</b>

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Từ 1 năm trở xuống	457.210.002	462.470.914
	<b>457.210.002</b>	<b>462.470.914</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**b) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 20 Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm; Số 9 Ngô Gia Khảm, Quận Long Biên và lô đất tại Bến xe Giáp Bát, Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng và vận hành các bến xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ bến bãi	49.703.202.465	101.495.238.290
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	11.317.999.384	21.320.978.687
	<b>61.021.201.849</b>	<b>122.816.216.977</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)	<b>4.307.046.823</b>	<b>5.490.654.536</b>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bến bãi đã cung cấp	46.052.617.945	84.263.804.810
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	8.635.831.500	16.169.075.000
	<b>54.688.449.445</b>	<b>100.432.879.810</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.110.417.833	1.585.233.631
	<b>1.110.417.833</b>	<b>1.585.233.631</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	179.510.909	314.826.115
Chi phí nhân công	2.789.137.462	5.490.018.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.241.200.864	1.283.021.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.411.627	325.524.917
Chi phí khác bằng tiền	340.884.303	671.696.934
	<b>4.755.145.165</b>	<b>8.085.087.574</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**23 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền phạt thu được	-	2.000.000
Thu nhập khác	128.626	2.033.338
	<u>128.626</u>	<u>4.033.338</u>

**24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	243.353.698	12.831.516.562
Các khoản điều chỉnh tăng	607.273.462	1.131.322.318
- Chi phí không hợp lệ	607.273.462	1.131.322.318
Thu nhập chịu thuế TNDN	850.627.160	13.962.838.880
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<u><b>170.125.432</b></u>	<u><b>2.792.567.776</b></u>
Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	-	(837.770.333)
Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2021 theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP	(51.037.630)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp xe tăng cường (2%)	503.636	62.182
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	35.564.408	1.119.672.963
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(490.325.835)	(3.038.968.180)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<u><b>(335.169.989)</b></u>	<u><b>35.564.408</b></u>

**25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	124.265.896	10.876.719.119
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	124.265.896	10.876.719.119
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u><b>13</b></u>	<u><b>1.145</b></u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	657.291.227	1.319.855.800
Chi phí nhân công	24.559.601.774	48.802.820.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.731.549.124	11.875.915.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.271.377.989	24.136.260.607
Chi phí khác bằng tiền	11.223.774.496	22.383.114.474
	<b>59.443.594.610</b>	<b>108.517.967.384</b>

**27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.528.923.057	-	38.893.542.230	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.153.205.086	-	1.219.438.935	-
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	<b>53.282.128.143</b>	<b>-</b>	<b>62.712.981.165</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.884.286.542	5.653.711.061
	<b>1.884.286.542</b>	<b>5.653.711.061</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.528.923.057	-	-	29.528.923.057
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.153.205.086	-	-	1.153.205.086
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<u>53.282.128.143</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>53.282.128.143</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.893.542.230	-	-	38.893.542.230
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.219.438.935	-	-	1.219.438.935
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<u>62.712.981.165</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>62.712.981.165</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.884.286.542	-	-	1.884.286.542
	<u>1.884.286.542</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.884.286.542</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.653.711.061	-	-	5.653.711.061
	<u>5.653.711.061</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.653.711.061</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ
Trung tâm Tân Đạt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Điều hành xe buýt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	Cổ đông lớn

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Anh Toàn	276.895.720	313.839.000
Ông Nguyễn Công Bằng	241.777.680	263.584.000
Ông Phạm Mạnh Hùng	38.300.000	58.275.000
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Bùi Hồng Sơn	62.800.000	62.500.000
Ông Vũ Hữu Tuyển	38.300.000	58.800.000
Ông Phạm Mạnh Hùng	(*)	(*)
Ông Nguyễn Anh Toàn	(*)	(*)
Ông Nguyễn Công Bằng	(*)	(*)

(\*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Giám đốc như chi tiết bên trên.

**30 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Thị Loan  
 Người lập



Thạch Thị Kim Nga  
 Kế toán trưởng




Phạm Mạnh Hùng  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

